

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2010	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Ông Ngô Văn Giáo	Chủ tịch	
Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/4/2010)
Ông Hồ Văn Đoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/4/2010)
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên	
Ông Phạm Quang Dương	Thành viên	
Ông Võ Đắc Khôi	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- + Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- + Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- + Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- + Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Thay mặt Hội đồng quản trị

NGÔ VĂN GIÁO

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0111/KTV
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A
Tp. HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		191.013.169.300	181.567.911.589
<i>I. Tiền</i>	110	V.01	33.155.979.750	88.155.801.802
1. Tiền	111		8.555.979.750	9.155.801.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.600.000.000	79.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	200.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		200.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.03	43.227.903.244	31.865.206.336
1. Phải thu khách hàng	131		33.935.322.269	26.937.147.486
2. Trả trước cho người bán	132		7.285.860.668	2.292.538.687
3. Các khoản phải thu khác	138		2.521.720.091	3.150.519.947
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(514.999.784)	(514.999.784)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	111.069.113.806	58.492.474.305
1. Hàng tồn kho	141		115.303.929.191	65.147.861.110
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.234.815.385)	(6.655.386.805)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	3.360.172.500	3.054.429.145
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		416.189.875	759.439.422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		320.260.636	79.826.813
3. Các khoản thuế phải thu	154		286.923.678	40.413.636
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.336.798.311	2.174.749.274
B. Tài sản dài hạn	200		60.843.613.486	59.670.490.601
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		56.164.744.205	55.374.070.090
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	24.399.957.524	23.556.553.239
- Nguyên giá	222		51.723.697.341	48.495.788.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.323.739.817)	(24.939.235.113)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	31.150.680.260	31.255.619.992
- Nguyên giá	228		33.551.992.413	33.541.487.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.401.312.153)	(2.285.867.861)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	614.106.421	561.896.859
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		11.000.000	11.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.000.000	11.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.09	2.919.612.033	2.445.149.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.021.117.540	1.701.149.723
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		25.854.493	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		872.640.000	744.000.000
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.10	1.748.257.248	1.840.270.788
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.856.782.787	241.238.402.190

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		56.014.872.515	67.544.479.848
I. Nợ ngắn hạn	310		53.419.759.271	63.782.359.896
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.153.000.000	22.154.415.753
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	4.477.747.564	8.858.545.685
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	6.433.057.336	1.903.813.768
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	4.542.443.577	1.954.863.405
5. Phải trả công nhân viên	315	V.14	13.843.368.612	12.251.323.544
6. Chi phí phải trả	316	V.15	8.862.036.062	4.500.985.931
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	10.988.975.748	10.175.462.066
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.119.130.371	1.982.949.744
II. Nợ dài hạn	330		2.595.113.244	3.762.119.952
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	2.594.392.740	3.170.892.740
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		720.504	591.227.212
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.18	194.215.455.786	172.682.609.822
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		194.215.455.786	172.682.609.822
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.793.274.000	2.793.274.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(26.450.000)	(26.450.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(185.373.216)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		39.190.752.201	35.416.469.775
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.749.492.220	8.522.981.304
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.508.387.365	26.161.707.959
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		1.626.454.486	1.011.312.520
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.856.782.787	241.238.402.190

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	2.489.855.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	103.823.986	72.240.760
5. Ngoại tệ các loại (USD)	5,488.30	6,444.35
Ngoại tệ các loại (EUR)	700.00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP. HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2010

P. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ TÔN HÙNG

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng	01		197.282.094.788
2. Các khoản giảm trừ	03		19.217.439.033
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	178.064.655.755
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	113.223.384.995
5. Lợi nhuận gộp	20		64.841.270.760
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.950.616.080
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.574.907.652
- Trong đó: lãi vay	23		367.028.989
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	12.497.805.298
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	12.788.085.805
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		38.931.088.085
11. Thu nhập khác	31	VI.07	647.113.487
12. Chi phí khác	32		46.374.081
13. Lợi nhuận khác	40		600.739.406
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		-
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		39.531.827.491
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.978.756.077
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(25.854.493)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31.578.925.907
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:			
19. Cổ đông thiểu số	61		(35.094.034)
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		31.614.019.941
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

P. Kế toán trưởng

LÊ TÔN HÙNG

TP. HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	180.609.210.423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(151.142.211.801)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.147.717.834)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(381.940.727)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(4.866.023.595)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.560.077.557
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.222.132.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.590.738.668)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.774.991.425)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.709.056.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.065.935.413)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.817.220.645
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.199.318.616)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.961.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.343.147.971)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(54.999.822.052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88.155.801.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	33.155.979.750

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2010

P. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ TÔN HÙNG

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch tiếng anh là “Southern Seed Joint Stock Company”, là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 ngày 24/6/2002 và thay đổi đến lần thứ 3 ngày 21/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty: 100.000.000.000 VND

Văn phòng Công ty đặt tại số 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có các chi nhánh, trạm, trại như sau:

- Chi nhánh Hà Nội, đặt tại số 14 ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội;
- Trạm Giống cây trồng Tây Nguyên, đặt tại xã Eatu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắklak;
- Trạm Giống cây trồng Củ Chi, đặt tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại Giống cây trồng Cờ Đỏ, đặt tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ;
- Trạm Giống cây trồng Cai Lậy, đặt tại xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam, đặt tại xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Trại Giống cây trồng Lâm Hà, đặt tại xã Đa Dờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Văn phòng đại diện đặt tại số 63A-Street 261 Sangkak Teak Lo-ok3, Khan Toul Kork, Phnom Penh, Cambodia.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Danh sách các Công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	282 đường Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, TP HCM	Thương mại – Sản xuất	83,74%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bắc Nghệ An	Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Dịch vụ – Thương mại – Sản xuất	70%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 15/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.
- Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) vào giữa niên độ và ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho từng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả cũng được ghi nhận theo giá trị sổ sách tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“đ”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Đối với sản phẩm hạt giống và vật tư nông nghiệp, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán với giá trị cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với sản phẩm cơ khí, Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán với giá trị cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng tháng.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Đối với các Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn của Quyền sử dụng đất, đối với các Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
Thiết bị quản lý	03 – 06 năm
Quyền sử dụng đất	10 – 20 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm. Bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 2% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

9. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

11. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

12. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống và 25% đối với các hoạt động kinh doanh còn lại trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Do cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước nên Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (kể từ năm 2003) và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo (2005 đến 2009).

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

13. Tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế lương của Công ty. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ lần lượt là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

15. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

16. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của thời kỳ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2010	01/01/2010
Tiền mặt	757.663.482	816.000.964
Tiền gửi ngân hàng	7.798.316.268	8.339.800.838
Các khoản tương đương tiền (*)	24.600.000.000	79.000.000.000
Cộng	33.155.979.750	88.155.801.802

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, bao gồm:

	Số dư ngày 30/6/2010	Lãi suất %/năm
Ngân hàng NNo & PTNT VN	6.600.000.000	11,20%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	16.000.000.000	11,50% - 11,60%
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	9,50%
Cộng	24.600.000.000	

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Khoản cho vay đến các công nhân viên	200.000.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	33.935.322.269	26.937.147.486
Trả trước người bán	7.285.860.668	2.292.538.687
Phải thu khác (*)	2.521.720.091	3.150.519.947
Cộng	43.742.903.028	32.380.206.120
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(514.999.784)	(514.999.784)
Cộng	43.227.903.244	31.865.206.336

(*) Phải thu khác bao gồm:	30/6/2010
Khoản phải thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	142.560.000
Khoản phải thu các trạm trại	767.020.927
Bảo hiểm xã hội	112.857.725
Khoản ứng vốn và giống cho nông dân	1.023.853.688
Các khoản phải thu khác	475.427.751
Cộng	2.521.720.091

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
Hàng mua đang đi đường	361.947.872	2.711.673.643
Nguyên vật liệu	73.370.979.949	30.722.626.464
Công cụ dụng cụ	690.089.530	317.596.680
Chi phí SXKD dở dang	7.212.811.692	4.897.776.300
Thành phẩm tồn kho	26.048.863.990	20.214.818.676
Hàng hóa	7.404.490.689	6.179.323.622
Hàng gửi đi bán	214.745.469	104.045.725
Cộng	115.303.929.191	65.147.861.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(4.234.815.385)	(6.655.386.805)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	111.069.113.806	58.492.474.305

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các mặt hàng kém phẩm chất.

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	416.189.875	759.439.422
Thuế GTGT được khấu trừ	320.260.636	79.826.813
Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước (Thuế GTGT và thuế TNCN nộp thừa)	286.923.678	40.413.636
Tài sản ngắn hạn khác (**)	2.336.798.311	2.174.749.274
Cộng	3.360.172.500	3.054.429.145

(*) Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm các khoản chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ chờ phân bổ,...

(**) Bao gồm:

Tạm ứng	2.278.739.276
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.059.035
Cộng	2.336.798.311

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Đầu kỳ	28.237.633.407	11.652.588.652	7.490.557.252	1.115.009.041	48.495.788.352
Tăng	824.615.862	25.102.730	2.354.601.220	23.589.177	3.227.908.989
Giảm	-	-	-	-	-
Cuối kỳ	29.062.249.269	11.677.691.382	9.845.158.472	1.138.598.218	51.723.697.341
Hao mòn lũy kế					
Đầu kỳ	13.949.503.669	6.012.025.057	4.195.391.958	782.314.429	24.939.235.113
Tăng	1.076.935.932	718.022.221	503.068.971	86.477.580	2.384.504.704
Giảm	-	-	-	-	-
Cuối kỳ	15.026.439.601	6.730.047.278	4.698.460.929	868.792.009	27.323.739.817
Giá trị còn lại					
Đầu kỳ	14.288.129.738	5.640.563.595	3.295.165.294	332.694.612	23.556.553.239
Cuối kỳ	14.035.809.668	4.947.644.104	5.146.697.543	269.806.209	24.399.957.524
- Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới					
7. Tài sản cố định vô hình					
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán			Cộng
Số dư đầu kỳ	33.327.624.029	213.863.824			33.541.487.853
Tăng	-	10.504.560			10.504.560
Giảm	-	-			-
Số dư cuối kỳ (*)	33.327.624.029	224.368.384			33.551.992.413
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2.179.127.591	106.740.270			2.285.867.861
Tăng	79.800.322	35.643.970			115.444.292
Giảm	-	-			-
Số dư cuối kỳ	2.258.927.913	142.384.240			2.401.312.153
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	31.148.496.438	107.123.554			31.255.619.992
Số dư cuối kỳ	31.068.696.116	81.984.144			31.150.680.260

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(*) Bao gồm các quyền sử dụng đất:

Số QSDĐ	Địa chỉ	TBD	Thửa số	Diện tích (m2)	Thời gian sử dụng
8737/2002	282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Tp.HCM	4, Chí Hòa	1 phần BK 67	7.785	Lâu dài
000555QSDĐ/2638QĐUB	Ấp Mỹ Lợi, xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, Tiền Giang	-	21	6.727	Lâu dài
T00005/1AQSDĐ/1075/UB	Xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Tp.HCM	10	628	4.034	đến 3/2048
F00137QSDĐ/3761/TQĐ4B	Ấp Phú Mỹ, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, Tiền Giang	4	292	4.981	đến 10/2016
F00137QSDĐ/3761/TQĐ4B	Ấp Phú Mỹ, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, Tiền Giang	4	525	5.795	đến 10/2016
T00019	Xã Eatu, thành phố Buôn Ma Thuột, Đaklak	209	15A	7.941	đến 2022
T00012	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	1	-	3.366.512	đến 13/1/2023
00106QSDĐ/247	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	-	-	196.409	đến 02/2022
00110QSDĐ/QĐ2567	Xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	386B	43	1.218	đến 01/01/2026
00111QSDĐ/QĐ2567	Xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	386B	361	81.536	đến 15/10/2013
T00845QSDĐ/QĐ-1812/T-2007	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	-	34	5.000	đến 15/1/2054
T00249/CN-2005	Xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	25	48	673.373	đến 25/3/2020

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí lập bản vẽ xin giấy phép xây dựng trại Lâm Hà	-	22.000.000
Chi phí khảo sát địa chất công trình nhà công vụ Tân Hiệp	-	10.000.000
Chi phí xây dựng chi nhánh Hà Nội	-	95.220.140
Chi phí xây dựng xưởng cơ khí	-	434.676.719
Chi phí lắp ráp máy móc thiết bị	614.106.421	-
Cộng	614.106.421	561.896.859

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tài sản dài hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn (*)	2.021.117.540	1.701.149.723
Tài sản dài hạn khác (**)	872.640.000	744.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.854.493	-
Cộng	2.919.612.033	2.445.149.723
(*) Bao gồm:		
Chi phí đền bù đất Củ Chi	109.500.004	
Chi phí sửa chữa, mở rộng các trạm, chi nhánh	1.515.336.645	
Chi phí công cụ, dụng cụ (VPCT, Trạm Tây Nguyên)	396.280.891	
Cộng	2.021.117.540	
(**) Các khoản ký quỹ thuê nhà xưởng và thuê văn phòng làm việc		
10. Lợi thế thương mại	30/6/2010	01/01/2010
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần XNK Bắc Nghệ An, chờ phân bổ	1.748.257.248	1.840.270.788
11. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	-	21.001.415.753
Vay dài hạn đến hạn trả (17*)	1.153.000.000	1.153.000.000
Cộng	1.153.000.000	22.154.415.753
12. Phải trả người bán và người mua trả trước	30/6/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	4.477.747.564	8.858.545.685
Người mua trả trước	6.433.057.336	1.903.813.768
Cộng	10.910.804.901	10.762.359.453
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.304.567	384.596.389
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.501.672.305	1.388.939.823
Thuế thu nhập cá nhân	37.466.705	53.430.738
Thuế xuất nhập khẩu	-	127.896.455
Cộng	4.542.443.577	1.954.863.405
14. Phải trả công nhân viên	30/6/2010	01/01/2010
Lương còn phải trả cho nhân viên	13.843.368.612	12.251.323.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

15. Chi phí phải trả	30/6/2010	01/01/2010
Chiết khấu thương mại	6.477.025.081	3.023.216.316
Chiết khấu thanh toán	399.820.381	204.863.588
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	417.172.840	681.852.312
Hỗ trợ phí chuyển tiền	260.206.190	315.616.290
Bản quyền tiêu thụ bấp lai Pacific	44.155.000	17.951.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	20.106.101
Chi phí phải trả khác (*)	1.263.656.570	237.380.324
Cộng	8.862.036.062	4.500.985.931

(*) Do tính chất thời vụ, để bình ổn giá thành, Công ty tạm trích trước vào chi phí trong 6 tháng đầu năm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động của 6 tháng cuối năm 2010, chủ yếu là các khoản chi phí lương và khấu hao tài sản cố định.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Tài sản thừa chờ xử lý	29.458.028	17.132.280
Bảo hiểm y tế	74.303.897	30.977.821
Kinh phí công đoàn	163.350.000	144.757.000
Bảo hiểm thất nghiệp	39.566.361	20.530.051
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	10.682.297.461	9.962.064.914
Cộng	10.988.975.748	10.175.462.066

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

	30/6/2010
Cổ tức phải trả	8.230.761.000
Thù lao HĐQT & BKS	579.639.057
Khoản phải trả cho Công ty Ngọc Mai Trang liên quan đến việc nhận ủy thác xuất nhập khẩu	308.289.285
Khoản phải trả hoa hồng và thưởng cho tác giả nghiên cứu	76.452.093
Các khoản nhận hỗ trợ nghiên cứu và dự phòng thiên tai	737.000.000
Phải trả khác	750.156.026
Cộng	10.682.297.461

17. Vay và nợ dài hạn	30/6/2010	01/01/2009
Vay dài hạn	3.747.392.740	4.323.892.740
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(1.153.000.000)	(1.153.000.000)
Cộng	2.594.392.740	3.170.892.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Chi tiết vay dài hạn**

	01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2010
Ngân hàng Phát triển	2.624.892.740	-	263.000.000	2.361.892.740
Quỹ Đầu tư Phát triển	1.699.000.000	-	313.500.000	1.385.500.000
Cộng	4.323.892.740	-	576.500.000	3.747.392.740

Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo Hợp đồng vay vốn quỹ đầu tư ngành giống số 41/2006-HĐTD-VNN-TD1 ngày 01/11/2006 với số tiền vay là 3,988 tỷ đồng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy chế biến giống cây trồng Hà Nội, cụ thể: xây dựng nhà bao che, khung Zamil, bin sấy, thiết bị điện và mua sắm máy móc thiết bị (90% giá trị thiết bị, không bao gồm thiết bị điện). Thời hạn vay là 08 năm. Lãi suất vay 5,4%/năm. Chi tiết hình thức đảm bảo tiền vay, tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41A/2006/HĐTCTS-VNN-TD1 ngày 01/11/2006. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 2.361.892.740 đồng, trong đó phần đáo hạn trong 12 tháng tiếp theo là 526.000.000 đồng.

Vay từ Quỹ Hỗ trợ Phát triển - CN TP.HCM theo Hợp đồng vay vốn quỹ đầu tư ngành giống số 04/HĐTD-TĐDP-2006 ngày 17/02/2006 với số tiền vay là 3,762 tỷ đồng. Mục đích vay là xây dựng nhà bao che, khung Zamil, bin sấy, thiết bị điện và mua sắm máy móc thiết bị (90% giá trị thiết bị, không bao gồm thiết bị điện). Thời hạn vay là 07 năm. Lãi suất vay 5,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2010 là 1.385.500.000 đồng, trong đó phần đáo hạn trong 12 tháng tiếp theo là 627.000.000 đồng.

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/5/2008, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần. Các cổ đông đăng ký vốn theo điều lệ và thực tế góp vốn đến ngày 30/6/2010 như sau:

Danh sách cổ đông	Tỷ lệ góp vốn	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn góp đến 30/6/2010
Vốn Nhà nước	19,2%	19.200.000.000	19.200.000.000
Vốn cổ đông khác	80,8%	80.800.000.000	80.800.000.000
Tổng cộng	100,00%	100.000.000.000	100.000.000.000

a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Thặng dư cổ phần	2.793.274.000	-	-	2.793.274.000
Cổ phiếu quỹ	(26.450.000)	-	-	(26.450.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(185.373.216)	195.817.782	10.444.566	-
Quỹ đầu tư phát triển	35.416.469.775	3.774.282.426	-	39.190.752.201
Quỹ dự phòng tài chính	8.522.981.304	1.258.094.142	31.583.226	9.749.492.220
Lợi nhuận chưa phân phối	26.161.707.959	31.614.019.941	15.267.340.536	42.508.387.365
Cộng	172.682.609.822	36.842.214.291	15.309.368.328	194.215.455.786

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b. Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:	Kỳ này
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	3.774.282.426
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	1.258.094.142
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	2.012.950.627
Chia cổ tức đợt 1 năm 2010 (8% vốn đầu tư của chủ sở hữu)	7.999.216.000
Trích thù lao HĐQT và BKS (không kiêm nhiệm)	222.797.341
Cộng	15.267.340.536

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu thuần	
Doanh thu bán thành phẩm	161.808.800.352
Doanh thu bán hàng hóa	35.443.587.328
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.707.108
Cộng doanh thu	197.282.094.788
- Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	
Chiết khấu thương mại	(12.452.613.838)
Giảm giá hàng bán	(30.479.000)
Hàng bán bị trả lại	(6.734.346.195)
Doanh thu thuần	178.064.655.755
2. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn thành phẩm đã bán	86.457.760.377
Giá vốn hàng hóa đã bán	29.186.196.038
Hoàn nhập trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.420.571.420)
Cộng	113.223.384.995
3. Doanh thu hoạt động tài chính	
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.830.616.012
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	120.000.068
Cộng	1.950.616.080

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
4. Chi phí tài chính	
Chi phí lãi vay	367.028.989
Chiết khấu thanh toán	353.338.822
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.854.539.841
Cộng	2.574.907.652
	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
5. Chi phí bán hàng	
Chi phí nhân viên	2.155.095.698
Chi phí vật liệu, bao bì	846.307.570
Chi phí công cụ dụng cụ	5.103.100
Chi phí khấu hao	48.112.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.985.975.426
Chi phí bằng tiền khác	5.457.210.991
Cộng	12.497.805.298
	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên quản lý	6.839.365.446
Chi phí vật liệu quản lý	462.805.338
Chi phí dụng cụ văn phòng	140.210.798
Chi phí khấu hao TSCĐ	625.611.647
Thuế, phí và lệ phí	148.534.109
Phân bổ lợi thế thương mại	92.013.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.222.608.373
Chi phí bằng tiền khác	2.256.936.554
Cộng	12.788.085.805
	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
7. Thu nhập khác	
Thu nhập từ việc thu lại tiền đặt cọc thuê nhà	192.000.000
Thu nhập từ các khoản chiết khấu thương mại năm trước	292.865.142
Thu nhập từ các khoản thuế TNCN được miễn giảm	53.351.338
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	5.794.717
Thu nhập khác	103.102.290
Cộng	647.113.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

P. Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc

LÊ TÔN HÙNG

HÀNG PHI QUANG